TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-6-2023.
"V/v Ly hôn giữa chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Minh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Lê Nguyễn Huỳnh Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Q, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 07, ấp M, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Chị Q vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh N, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 230, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh N vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2022, nguyên đơn chị Hà Thị Q trình bày:

Chị Q và anh N được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015, đến ngày 25/02/2015 chị Q và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 25/02/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình vì anh N thường xuyên uống rượu

bia không lo làm ăn. Do mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến tháng 11 năm 2015, vợ chồng chị Q, anh N không còn sống chung. Hiện nay, chị Q xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục sống chung do mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Quá trình sống chung chị Q và anh N không có con chung. Do chị Q không còn tình cảm với anh N, nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh N; Về con chung, chị Q và anh N không có con chung nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, chị Q không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Minh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và các văn bản tố tụng khác. Nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án. Đồng thời anh N cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân, chị Hà Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Minh N; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Hà Thị Q xin ly hôn anh Nguyễn Minh N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Q và anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh N có địa chỉ thường trú tại 230, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị Q là nguyên đơn, anh N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt và anh N vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Q, anh N theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Minh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T có Giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 25/02/2015 của Ủy ban nhân dân xã T là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị Q và anh N đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Tuy nhiên, sau khi cưới chị Q và anh N sống chung hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 11 năm 2015 vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau, cho đến nay vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, giữa anh N và chị Q thiếu sự quan tâm chia sẻ, nên thường xuyên mâu thuẫn. Do không còn tình cảm với anh N nên chị Q đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh N tại địa chỉ mà chị Q đã cung cấp trong đơn khởi kiện. Anh N cũng được Tòa án thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị Q trong vụ án, cũng như thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/3/2023 của Tòa án đối với vụ án và thông báo các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Nhưng anh N không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, anh N phải tự chịu. Hành động của anh N còn cho thấy anh N không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị Q. Từ đó, xác định chị Q và anh N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hà Thị Q để cho vợ chồng chị Q và anh N ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Tòa án đã thông báo đầy đủ nội dung vụ án bao gồm lời trình bày của chị Q về việc vợ chồng không có con chung, anh N đã không đưa ra ý kiến phản bác trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho thấy đây là tình tiết, sự

kiện không phải chứng minh, đủ căn cứ để xác định chị Q và anh N không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Do chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Hà Thị Q và anh Nguyễn Minh N.

2. Về nuôi con chung: Do không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Hà Thị Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013835 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị Q đã nộp đủ án phí).

Chị Hà Thị Q, anh Nguyễn Minh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã T;
(GCNKH số 24, ngày 25/02/2015)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hà Thị Mỹ Xuân